

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14/2022/DS-ST**

Ngày: 20- 04 – 2022.

Về việc: “Tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

2. Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến. Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 186/2021/TLST - DS ngày 19 tháng 10 năm 2021. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:11/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST–DS, ngày 29/03/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H. Địa chỉ: Thôn 19, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk

– Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1994.
Địa chỉ: Thôn 7, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Duy C. Chức vụ: Trưởng chi nhánh - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn HK & Gia Luật chi nhánh tại K. Địa chỉ: Số 103, đường Lê Thị Hồng G, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn 5A, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn L. Địa chỉ: Thôn 5A, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết, nên từ năm 2018 đến năm 2020 vợ chồng bà Lê Thị T, ông Lê Văn L có mua cám heo của bà Trần Thị H, đến ngày 24/10/2020 bà Lê Thị T đến nhà bà H để cộng sổ, đối chiếu công nợ. Sau khi cân đối sổ sách bà Lê Thị T và ông L còn nợ bà H với tổng số tiền 88.491.000đ. Đến ngày 9/11/2020 bà Lê Thị T đã trả cho bà H số tiền 44.491.000đ và còn nợ lại số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng) bà T có ký xác nhận trong sổ bà H, tuy nhiên từ đó đến nay bà T, ông L không trả tiền cho bà H mà chuyển sang đi mua cám ở chỗ khác, mặc dù bà H đã nhiều lần đến đòi nhưng bà T, ông L không trả. Vì vậy bà H đã làm đơn khởi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị T và ông Lê Văn L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền mua bán còn nợ là 44.000.000đ tiền gốc và khoản tiền lãi suất phát sinh 1.2%/ tháng kể từ ngày trả nợ cuối cùng ngày 09/11/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Duy C trình bày:** Thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn C không trình bày bổ sung gì thêm.

*** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T trình bày:** Tôi với ông Lê Văn L có mối quan hệ vợ chồng, do quen biết nhau nên từ năm 2017 đến năm 2020 gia đình bà T có mua cám với bà Trần Thị H để về nuôi heo, sau khi cân đối sổ sách tính đến ngày 9/11/2020 gia đình tôi còn nợ bà H số tiền 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng chẵn). Nên trong năm 2021, (không nhớ ngày tháng) chồng tôi là ông Lê Văn L có xuống nhà bà H để trả tiền thì bà H có tính lãi suất 1,2%/tháng từ ngày 9/11/2020 đến thời điểm đó khoảng 5 triệu đồng tiền lãi thì gia đình tôi có xin bà H giảm cho một nửa tiền lãi suất nhưng bà H không đồng ý nên ông L mang tiền về không trả nữa. Nay bà H khởi kiện vợ chồng tôi thì nguyện vọng của tôi hẹn đến tháng 6 năm 2022 là trả dứt điểm số tiền trên cho bà H và xin bà H cho tôi xin phần lãi suất phát sinh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn C, bị đơn bà Lê Thị T có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với ông Lê Văn L. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Duy C trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên quan điểm, toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị HĐXX giải quyết: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Lê Thị T và ông Lê Văn L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền mua bán cám heo còn nợ là 44.000.000đ và mức lãi suất phát sinh 1.2%/tháng tính từ ngày chậm trả ngày 09/11/2020 cho đến nay .

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn C đồng ý với ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Duy C, vì vậy ông Phạm Văn C vẫn giữ nguyên quan điểm, toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

- Bị đơn bà Lê Thị T trình bày ý kiến tranh luận: Nguyên vọng của bà T đồng ý trả cho bà Trần Thị H số tiền mua bán cám còn nợ là 44.000.000đ cho bà H vào tháng 6 năm 2022 và xin bà H cho phần tiền lãi suất phát sinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 73, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 431, khoản 1 Điều 433, khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự (BLDS) và Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc bà Lê Thị T và ông Lê Văn L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền mua bán còn là 44.000.000đ tiền gốc và khoản lãi suất phát sinh theo thỏa thuận là 1.2% tính từ ngày trả nợ cuối cùng ngày 09/11/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H lập ngày 28 tháng 9 năm 2021 và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là chứng từ mua bán cám (Bút lục số 04-06 và bút lục số 44), Tòa án nhân dân huyện K xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn Lê Thị T và ông Lê Văn L, cư trú tại thôn 5A, xã Ô, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa nhưng ông Lê Văn L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc bà Lê Thị T, ông Lê Văn L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền 44.000.000 đồng, HĐXX nhận định: Từ năm 2018 đến 2020 bà Lê Thị T, ông Lê Văn L có mua cám heo của bà Trần Thị H, đến ngày 24/10/2020 bà Lê Thị T có đến nhà bà H để cộng sổ, đối chiếu nợ, theo đó vợ chồng bà Lê Thị T, ông Lê Văn L còn nợ bà Trần Thị H số tiền 88.491.000đ. Đến ngày 9/11/2020 bà T đã trả cho bà H số tiền 44.491.000đ, còn nợ 44.000.000đ tiền nợ gốc và bà T có ký xác nhận nợ vào sổ bà H (Bút lục số 44), sự việc trên đã được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn C, ông Phạm Duy C và bị đơn bà Lê Thị T

thừa nhận, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận đó là sự thật.

Việc các bên xác lập các hợp đồng mua bán cám heo với nhau là hoàn toàn tự nguyện, nội dung các hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật, tuy nhiên từ ngày 9/11/2020 đến nay bà T, ông L không trả tiền cho bà H là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H là có căn cứ, vì vậy HĐXX, căn cứ khoản 1 Điều 431, khoản 1 Điều 433 và khoản 3 Điều 440 của BLDS chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Buộc bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) tiền nợ gốc là đúng với quy định của pháp luật.

[2.2] **Về lãi suất:** Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà Lê Thị T trả khoản tiền lãi suất phát sinh theo lãi suất thỏa thuận là 1.2%/ tháng kể từ ngày chậm trả nợ ngày 9/11/2020 đến nay, HĐXX nhận thấy: Trong quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải nguyên đơn bà Trần Thị H và bị đơn bà Lê Thị T đều thừa nhận số tiền lãi bà T đã trả cho bà H 2.670.000đ theo mức lãi suất 1.2%/tháng. Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị T xin nguyên đơn cho toàn bộ phần lãi suất phát sinh nhưng ông Phạm Duy C, ông Phạm Văn C không chấp nhận và phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà T trả tiền lãi suất theo các bên đã thỏa thuận là 1.2%/tháng. Căn cứ khoản 3 Điều 440 của Bộ luật dân sự thì trong trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại điều 357 của BLDS.

Tại khoản 2 Điều 357 của BLDS quy định: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.”

Do vậy lãi suất các bên thỏa thuận là 1.2%/ tháng tương đương lãi suất 14.2%/năm, không vượt quá 20%/năm phù hợp với mức lãi suất được quy định tại

khoản 1 Điều 468 của BLDS. Căn cứ vào Điều luật viện dẫn nêu trên và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, HĐXX áp dụng mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là 1.2%/tháng, cụ thể như sau:

Từ ngày 9/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/4/2022 là 527 ngày x 44.000.000đ x 14.4%/ năm /365 ngày = 9.148.142đ.

Như vậy, tổng cộng số tiền gốc và lãi suất là 53.148.142đ (Năm mươi ba triệu một trăm bốn mươi tám nghìn một trăm bốn mươi hai đồng).

[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L: Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn L không tham gia tố tụng, tuy nhiên bị đơn bà Lê Thị T (vợ ông Lê Văn L) xác định trong quá trình mua bán cám heo ông L là người trực tiếp đi mua cám và trả tiền cám cho bà H và chữ ký Lê Văn L trong sổ bà H cung cấp khởi kiện là chữ ký của ông L, đồng thời bà T xác nhận mục đích mua cám về để chăn nuôi heo bán lấy tiền chi tiêu cho gia đình, đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình, HĐXX cần buộc ông Lê Văn L có trách nhiệm cùng với bà Lê Thị T trả nợ cho bà Trần Thị H tổng số tiền 53.148.142đ là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc bà Lê Thị T, ông Lê Văn L phải chịu 2.657.407đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm linh bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức: 53.148.142đ x 5%).

Về tạm ứng án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, HĐXX tuyên trả lại cho bà Trần Thị H 1.232.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0005529, ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 431, khoản 1 Điều 433, khoản 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1. Buộc bà Lê Thị T và ông Lê Văn L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H tổng số tiền 53.148.142đ (Năm mươi ba triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn một trăm bốn mươi hai đồng); Trong đó: Tiền nợ gốc là 44.000.000 đồng và 9.275.200 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/4/2022) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Thị T và ông Lê Văn L phải chịu 2.657.407đ (Hai triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm linh bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị H 1.232.000đ (một triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 60AA/2021/0005529, ngày 15/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị H, bị đơn bà Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai